

Thời gian : 07h30 - 31/12/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ			
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	55%					
1	162256928	Nguyễn Thế Châu	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
2	162253647	Đoàn Như Diệp	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
3	162257351	Lê Thị Phương Dung	K16KMT	10		8						7	7.8	Bảy phẩy Tám		
4	162256772	Lê Quốc Dũng	K16KMT	10		8						5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
5	162256877	Nguyễn Trần Đạt	K16KMT	10		8						4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
6	162256771	Nguyễn Đức Độ	K16KMT	10		8						4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
7	162257352	Lê Khắc Hà Giang	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
8	162257498	Nguyễn Thị Thu Hà	K16KMT	10		8						7.5	8.0	Tám		
9	161325368	Lê Tự Hưng	K16KMT	8		8						4	5.8	Năm phẩy Tám		
10	162253653	Nguyễn Văn Khánh	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
11	162257425	Nguyễn Phi Khoa	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
12	162253654	Phùng Tùng Lâm	K16KMT	10		8						6	7.2	Bảy phẩy Hai		
13	162253656	Hồ Thị Ngọc Mỹ	K16KMT	10		8						4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
14	162257353	Đình Hạnh Nguyên	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
15	162257176	Lê Thị Nhiều	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
16	162256837	Nguyễn Hoàng Phi	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
17	162256773	Nguyễn Thị Đoàn Phượng	K16KMT	10		8						5.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
18	162253661	Nguyễn Đăng Quang	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
19	162257261	Nguyễn Văn Quang	K16KMT	10		8						5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
20	162257089	Bùi Văn Quý	K16KMT	10		8						5.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
21	162256774	Đoàn Phạm Ngọc Rin	K16KMT	8		7						4	5.5	Năm phẩy Năm		
22	162257091	Huỳnh Ngọc Sâm	K16KMT	8		7						5	6.1	Sáu phẩy Một		
23	162253663	Huỳnh Bá Sơn	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
24	162256512	Bạch Mai Sơn	K16KMT	6		7						4	5.2	Năm phẩy Hai		
25	162253664	Đặng Anh Tài	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
26	162257055	Trần Thị Huỳnh Tâm	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
27	162257426	Lê Hoàng Anh Tuấn	K16KMT	10		8						5.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
28	161325649	Hà Thị Hoài Thanh	K16KMT	10		8						6	7.2	Bảy phẩy Hai		
29	162256878	Nguyễn Thị Thi	K16KMT	10		8						4	6.1	Sáu phẩy Một		
30	162257008	Trần Thị Hồng Thoa	K16KMT	10		8						6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
31	161327336	Bùi Lê Minh Thùy	K16KMT	10		8						V	0.0	Không		
32	162257262	Lê Hoài Thương	K16KMT	6		6						4	4.9	Bốn phẩy Chín		
33	162257092	Nguyễn Nhật Trường	K16KMT	8		7						5	6.1	Sáu phẩy Một		
34	162253669	Bùi Thị Hải Yến	K16KMT	10		8						8	8.3	Tám phẩy Ba		

Thời gian : 07h30 - 31/12/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	55%			
35	162257499	Võ Thị Hoài Uyên	K16KMT	10		8					8	8.3	Tám phẩy Ba	32956
36	162253666	Huỳnh Thị Thuý	K16KMT	10		9					8	8.6	Tám phẩy Sáu	32956

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	35	97%	
2	Số sinh viên nợ	1	3%	
TỔNG CỘNG :		36	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, 14/01/2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

HOÀNG LINH GIANG

TRẦN NHẬT TÂN

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ